

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 2021

(Ban hành theo quyết định số: 576/QĐ-ĐHKTCN ngày 22 tháng 11 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

1. Thông tin về cơ sở đào tạo

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
- Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

2. Thông tin về văn bằng

- Tên văn bằng tiếng Việt: Cử nhân
- Tên văn bằng tiếng Anh: Bachelor of Art (BA)
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

3. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo tiếng Việt: Luật
- Tên ngành đào tạo tiếng Anh: Law
- Mã số ngành đào tạo: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Hình thức đào tạo: Tập trung
- Đơn vị quản lý: Khoa Khoa học xã hội

4. Thời gian đào tạo: 04 năm

5. Mục tiêu

5.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có tính kỷ luật cao, đáp ứng tốt nhu cầu về nhân lực có chất lượng, chuyên nghiệp trong lĩnh vực pháp lý của thị trường lao động. Đồng thời, chương trình đào tạo này còn giúp người học có kỹ năng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, giao tiếp xã hội,... đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu học tập suốt đời.

5.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của ngành Luật là trang bị cho người học đầy đủ kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ chuyên nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm nền tảng vững chắc cho sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Về kiến thức

Chương trình đào tạo trình độ đại học Luật trang bị các kiến thức cần thiết giúp sinh viên có những kiến thức sau:

PO1: Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, xã hội, tâm lý con người là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật để phục vụ phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân của người học.

PO2: Trang bị các khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm kiến thức lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung; kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản cho phép người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế...

- Về Kỹ năng

PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường hội nhập, đặc biệt là trong môi trường làm việc thuộc các lĩnh vực hành pháp, lập pháp, tư pháp hoặc các tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.

- Mức tự chủ và trách nhiệm

PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.

PO5: Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng; ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

6. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế, xây dựng đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra sau:

6.1. Về kiến thức

PLO1 Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và các vấn đề cơ bản về quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có sức khỏe tốt và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

PLO2 Hiểu biết về tâm lý con người, về văn hóa xã hội, về kỹ năng giao tiếp, về tính logic; có thể giới quan, nhận sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, phân tích, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực..

PLO3 Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ tương đương trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO4 Có năng lực sử dụng và khai thác tốt các phần mềm tin học văn phòng và Internet.

PLO5 Vận dụng cách viết các văn bản, báo cáo, thư tín, hợp đồng, kiến thức về lưu trữ văn bản vào thực tế công việc.

PLO6 Có kiến thức cơ bản, có hệ thống về nhà nước và pháp luật: về quy luật hình thành, phát triển, những khái niệm, phạm trù cơ bản của nhà nước và pháp luật. Giải thích được các kiến thức cơ bản về Luật và các vấn đề liên quan.

PLO7 Hiểu và vận dụng những kiến thức nền tảng về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản.

PLO8 Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản.

11/11/2020/11/11

PLO9 Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp ... góp phần tích cực vào nghiên cứu, thực hiện pháp luật..

PLO10: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật về hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế và quốc tế.

PLO11: Hiểu, phân tích, vận dụng một cách hiệu quả kiến thức Luật để tư vấn luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

6.2. Kỹ năng

PLO12: Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý.

PLO13: Có khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình.

PLO14: Có khả năng tư duy phản biện, lập luận và tranh luận; phân tích các tình huống pháp lý từ thực tiễn và đưa ra giải pháp chuyên môn để giải quyết.

PLO15: Có kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật.

PLO16: Có kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm.

PLO17: Có kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn.

PLO18: Có kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc.

PLO19: Có khả năng tự nghiên cứu chuyên sâu để nâng cao trình độ chuyên môn và các lĩnh vực liên quan cũng như tiếp cận, nghiên cứu và triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

6.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO20: Đào tạo năng lực tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với tập thể trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật. Có khả năng khởi nghiệp trong nghề luật.

PLO21: Có phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia: trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị; dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro; có tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý; công bằng, liêm chính và nhân văn; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.

7. Cấu trúc chương trình dạy học

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ: 141 TC, trong đó:

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 115

Tổng số tín chỉ tự chọn: 26

7.2. Lượng tín chỉ phân bổ cho khối kiến thức ngành và kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
1. Kiến thức giáo dục đại cương				40	36	04			
1	CB050	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2	2		37	8	
2	CB051	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2	2		22	8	
3	CB052	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2	2		14	16	
4	CB053	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4(*)	2	2	2		4	56	
5	CB035	Giáo dục thể chất 1*	2	1	1		15	15	
6	CB036	Giáo dục thể chất 2*	2	1	1		15	15	
7	CB037	Giáo dục thể chất 3*	2	1	1		15	15	
8	CB040	Triết học Mác - Lênin	1	3	3		45		
9	CB041	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	2		30		CB040
10	CB042	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	2		30		CB041
11	CB043	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2		30		CB042
12	CB044	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5	2	2		30		CB043
13	TT092	Tin học căn bản	3	2	2		15	30	
14	CB023	Anh văn căn bản 1	1	4	4		60		
15	CB024	Anh văn căn bản 2	2	3	3		45		CB023
16	CB025	Anh văn căn bản 3	3	3	3		45		CB024
17	KL001	Logic học đại cương	2	2	2		30		
18	CB049	Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp	4	2		2	30		
19	CB039	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	2			30		
20	CB012	Kỹ năng giao tiếp	4	2			30		
21	CB038	Tiếng việt thực hành	2	2		2	30		
22	KL002	Tâm lý học đại cương	2	2			30		
23	CB005	Văn bản và lưu trữ đại cương	2	2			30		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				101	79	22			
2.1. Kiến thức cơ sở				35	33	2			
24	KL003	Lý luận nhà nước và pháp luật	1	4	4		60		
25	KL004	Lịch sử các học thuyết pháp lý	1	2	2		30		
26	KL005	Luật Hiến pháp	2	2	2		30		
27	KL006	Luật so sánh	5	2	2		30		KL003
28	KL007	Luật dân sự 1	2	2	2		30		KL003
29	KL008	Luật hình sự 1	2	3	3		45		
30	KL009	Luật hành chính	1	3	3		45		
31	KL010	Luật lao động	3	3	3		45		KL003
32	KL011	Luật đất đai	5	3	3		45		KL007 KL009
33	KL012	Luật môi trường	5	2	2		30		KL007 KL009
34	KL013	Luật thương mại	4	3	3		45		KL007
35	KL014	Luật tài chính nhà nước	5	2	2		30		KL005 KL009 KL013
36	KL015	Phương pháp nghiên cứu khoa học luật	7	2	2		30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
37	KL016	Kỹ năng soạn thảo văn bản	6	2		2	30		
38	KL017	Anh văn chuyên ngành Luật	6	2			30		CB025
39	KL018	Tâm lý học tư pháp	6	2			30		KL002
2.2. Kiến thức ngành chính				56	46	10			
40	KL019	Luật dân sự 2	3	2	2		30		KL007
41	KL020	Luật hình sự 2	3	2	2		30		KL008
42	KL021	Luật hôn nhân và gia đình	3	2	2		30		KL007
43	KL022	Luật tố tụng dân sự	6	3	3		45		KL019
44	KL023	Luật tố tụng hình sự	6	3	3		45		KL020
45	KL024	Luật tố tụng hành chính	4	2	2		30		KL009
46	KL025	Luật thương mại quốc tế	6	3	3		45		KL013
47	KL026	Công pháp quốc tế	5	2	2		30		KL005
48	KL027	Tư pháp quốc tế	7	2	2		30		KL013 KL022 KL026
49	KL028	Luật đầu tư	4	2	2		30		
50	KL029	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	4	3	3		45		KL013
51	KL030	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	7	2	2		30		KL011
52	KL031	Lý luận và pháp luật về quyền con người	6	2	2		30		
53	KL032	Luật thuế	4	3	3		45		
54	KL033	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	8	2	2		30		
55	KL034	Luật Ngân hàng	5	3	3		45		
56	KL035	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	7	2	2		30		KL019
57	KL036	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	7	3	3		45		KL003 KL019
58	KL037	Kỹ năng tư vấn pháp luật	8	3	3		45		KL009 KL013 KL019 KL020
59	KL038	Luật chứng khoán	7	2		2	30		KL013
60	KL039	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	7	2			30		KL011 KL013
61	KL040	Luật thương mại điện tử	7	2			30		KL013
62	KL041	Pháp luật công chứng - luật sư - thừa phát lại - đấu giá	7	2		4	30		
63	KL042	Đạo đức nghề luật	6	2			30		KL020
64	KL043	Luật hình sự quốc tế	7	2			30		KL020
65	KL044	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	7	2			30		KL013
66	KL045	Luật an ninh mạng	6	2		4	30		
67	KL046	Pháp luật về trọng tài thương mại	6	2			30		
68	KL047	Luật đấu thầu	7	2			30		

11/11/2023
 3.0.17.3H
 10/10/23

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần học trước
69	KL048	Thực hành nghề luật	6	2			0	90	
2.3. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế				10		10			
70	KL049	Thực tập tốt nghiệp	8	10		10	0	450	
71	KL050	Khóa luận tốt nghiệp	8	10			0	450	
72	KL051	Pháp luật về an sinh xã hội	8	2			30		KL013
73	KL052	Pháp luật về hộ tịch	8	2			30		
74	KL053	Pháp luật về kinh doanh dịch vụ Logistics	8	2			30		KL013
75	KL054	Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	8	2			30		KL019
76	KL055	Nghiệp vụ tòa án	8	2			30		
Tổng cộng: 141 tín chỉ (Bắt buộc: 115 tín chỉ; Tự chọn: 26 tín chỉ)									

(*): Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

PHIẾU TRƯỞNG

 Trưởng Minh Nhật Quang

Cần Thơ, ngày 10 tháng 11 năm 2021
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI
TRƯỜNG KHOA


Lưu Thu Thủy